

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A102

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 12h30-13h30

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252001	21810310045	SV4002246	Bùi Khánh	An	10/10/2003		
2	TA252002	20810630009	SV4002247	Nguyễn Văn	An	28/01/2002		
3	TA252003	21810170218	SV4002248	Chu Hoàng	Anh	26/11/2000		
4	TA252004	22819120098	SV4002249	Hà Nam	Anh	14/11/2004		
5	TA252005	21810720008	SV4002250	Hoàng Tiến	Anh	07/11/2003		
6	TA252006	20810230032	SV4002251	Lê Thị Hồng	Anh	17/04/2002		
7	TA252007	21810410521	SV4002252	Nguyễn Đức	Anh	30/12/2003		
8	TA252008	20810620065	SV4002253	Nguyễn Tài	Anh	25/07/2002		
9	TA252009	19810000205	SV4002254	Nguyễn Tiến	Anh	16/11/2001		
10	TA252010	1781820003	SV4002255	Nguyễn Thị Lan	Anh	15/11/1999		
11	TA252011	20810430192	SV4002256	Nguyễn Việt	Anh	28/02/2002		
12	TA252012	21810710255	SV4002257	Phạm Quyền	Anh	17/11/2003		
13	TA252013	20810340170	SV4002258	Thân Việt	Anh	11/01/2002		
14	TA252014	18810540023	SV4002259	Đỗ Minh	Ánh	15/07/2000		
15	TA252015	21810310039	SV4002260	Trần Việt	Bách	11/03/2003		
16	TA252016	20810230108	SV4002261	Chu Thanh	Bắc	22/04/2001		
17	TA252017	20810820136	SV4002262	Hoàng Xuân	Bắc	13/01/2002		
18	TA252018	18810000003	SV4002263	Hoàng Văn	Bằng	25/01/2000		
19	TA252019	1781510203	SV4002264	Nguyễn Thanh	Bình	30/01/1999		
20	TA252020	20810620050	SV4002265	Nguyễn Duy	Cảng	30/04/2002		
21	TA252021	21810510077	SV4002266	Tổng Văn	Cao	22/05/2003		
22	TA252022	19810540121	SV4002267	Phạm Biên	Cương	16/08/2001		
23	TA252023	20810620118	SV4002268	Đặng Phú	Cường	12/10/2002		
24	TA252024	21810620017	SV4002269	Nguyễn Văn	Cường	06/06/2003		
25	TA252025	20810310315	SV4002270	Phạm Thị Ngọc	Châm	26/06/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A104

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 12h30-13h30

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252026	19810170220	SV4012271	Lê Văn	Chiến	22/05/2001		
2	TA252027	20810430176	SV4012272	Phan Huy	Chiến	14/04/2002		
3	TA252028	18810830008	SV4012273	Lương Ngọc	Chung	03/04/2000		
4	TA252029	20810170373	SV4012274	Trương Đức	Chung	01/12/2002		
5	TA252030	19810310290	SV4012275	Đỗ Văn	Dung	15/04/2001		
6	TA252031	20810430177	SV4012276	Nguyễn Tiến	Dũng	21/04/2002		
7	TA252032	21810510060	SV4012277	Nguyễn Thê	Dũng	29/11/2003		
8	TA252033	21810510078	SV4012278	Trần Đình	Dũng	25/03/2003		
9	TA252034	18810420069	SV4012279	Trần Thanh	Duy	04/10/2000		
10	TA252035	21810850198	SV4012280	Ngô Thành	Dương	11/12/2003		
11	TA252036	21810720190	SV4012281	Nguyễn Thị Thùy	Dương	25/09/2003		
12	TA252037	21810550507	SV4012282	Trần Quý	Dương	28/04/2003		
13	TA252038	20819110101	SV4012283	Nguyễn Trọng	Đại	12/07/2002		
14	TA252039	20810170312	SV4012284	Trần Bá	Đạt	03/08/2002		
15	TA252040	20810310563	SV4012285	Trần Quang	Đạt	27/11/2002		
16	TA252041	18810820111	SV4012286	Trần Quốc	Đạt	20/02/2000		
17	TA252042	20810110148	SV4012287	Hoàng Thị	Đoan	03/06/2002		
18	TA252043	18810650013	SV4012288	Đinh Chí	Đức	01/11/2000		
19	TA252044	20810310282	SV4012289	Ngô Anh	Đức	18/07/2002		
20	TA252045	20810430157	SV4012290	Phạm Minh	Đức	15/05/2002		
21	TA252046	18810620102	SV4012291	Vũ Hoàng	Đức	02/01/2000		
22	TA252047	20810620023	SV4012292	Hà Minh	Giang	03/02/2002		
23	TA252048	20810620097	SV4012293	Nguyễn Trường	Giang	27/11/2002		
24	TA252049	21810620438	SV4012294	Phạm Hoàng	Giang	08/06/2003		
25	TA252050	20810420003	SV4012295	Lò Tiến	Hà	23/08/2002		
26	TA252051	21810810343	SV4012296	Vũ Thu	Hà	02/08/2003		
27	TA252052	20810620011	SV4012297	Lương Phạm	Hải	13/11/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A105

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 12h30-13h30

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252053	20819120031	SV4022298	Nguyễn Đức	Hải	02/08/2002		
2	TA252054	19810310147	SV4022299	Phan Doãn	Hào	09/04/2001		
3	TA252055	20810430204	SV4022300	Bùi Quốc	Hiên	07/04/2002		
4	TA252056	18810310340	SV4022301	Phùng Văn	Hiệp	09/07/2000		
5	TA252057	18810310423	SV4022302	Đinh Mạnh	Hiếu	12/02/2000		
6	TA252058	1781330018	SV4022303	Nguyễn Lê Minh	Hiếu	01/07/1999		
7	TA252059	20810230024	SV4022304	Nguyễn Trung	Hiếu	28/04/2002		
8	TA252060	1381410216	SV4022305	Vũ Trung	Hiếu	15/08/1995		
9	TA252061	18810820060	SV4022306	Phùng Thị Thu	Hoài	12/01/2000		
10	TA252062	22810180041	SV4022307	Trần Văn	Hoàn	09/10/2004		
11	TA252063	18810430018	SV4022308	Nguyễn Văn	Hoàng	03/09/2000		
12	TA252064	20810160559	SV4022309	Vũ Việt	Hoàng	06/08/2002		
13	TA252065	20810230130	SV4022310	Đàm Đức	Hùng	23/08/2002		
14	TA252066	21810620076	SV4022311	Hoàng Phi	Hùng	30/07/2003		
15	TA252067	20810170398	SV4022312	Nguyễn Huy	Hùng	01/11/2002		
16	TA252068	19810660082	SV4022313	Nguyễn Xuân	Hùng	24/09/2001		
17	TA252069	21810620075	SV4022314	Vũ Trọng	Hùng	26/11/2003		
18	TA252070	18810510130	SV4022315	Nguyễn Quang	Huy	13/10/1999		
19	TA252071	20810230085	SV4022316	Phú Tiên	Huy	03/11/2002		
20	TA252072	20810610260	SV4022317	Trần Quang	Huy	08/04/2002		
21	TA252073	21810810251	SV4022318	Nguyễn Khánh	Huyền	09/09/2003		
22	TA252074	21810810046	SV4022319	Mai Thị Thu	Hương	19/05/2003		
23	TA252075	20810230010	SV4022320	Nguyễn Trung	Kiên	27/08/2001		
24	TA252076	19810710283	SV4022321	Nguyễn Trung	Khải	25/09/2001		
25	TA252077	21810620454	SV4022322	Phạm Hữu	Khang	07/10/2002		
26	TA252078	18810310198	SV4022323	Đỗ Diệp	Khanh	20/01/2000		
27	TA252079	19819110010	SV4022324	Nguyễn Duy	Khánh	18/05/2001		
28	TA252080	20810340229	SV4022325	Phạm Đăng	Khánh	20/02/2002		
29	TA252081	20810510104	SV4022326	Nguyễn Văn	Khoa	17/10/2002		
30	TA252082	20810620068	SV4022327	Hoàng Văn	Khương	08/09/2002		
31	TA252083	20819110099	SV4022328	Nguyễn Hữu	Khương	23/03/2002		
32	TA252084	21810510012	SV4022329	Đinh Văn	Linh	08/04/2003		
33	TA252085	20810710262	SV4022330	Lê Quang	Linh	02/10/2002		
34	TA252086	18810810049	SV4022331	Nguyễn Diệu	Linh	23/04/2000		
35	TA252087	21810820115	SV4022332	Phạm Phương	Linh	18/08/2003		
36	TA252088	22810850011	SV4022333	Trần Hà	Linh	23/01/2004		

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A107

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 12h30-13h30

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252089	21810710142	SV4032334	Đỗ Hoàng	Long	02/12/2003		
2	TA252090	21810620441	SV4032335	Hoàng Minh	Long	19/12/2003		
3	TA252091	19810310054	SV4032336	Nguyễn Duy	Long	09/05/2001		
4	TA252092	20810620073	SV4032337	Nguyễn Tiến	Long	08/03/2002		
5	TA252093	20810110127	SV4032338	Phạm Đức	Lương	26/04/2002		
6	TA252094	21810510409	SV4032339	Đỗ Hải	Lý	27/09/2003		
7	TA252095	21810110112	SV4032340	Nguyễn Xuân	Mai	02/12/2003		
8	TA252096	20810620092	SV4032341	Hoàng Văn	Mạnh	11/08/2002		
9	TA252097	20810620060	SV4032342	Nguyễn Văn	Mạnh	10/01/2002		
10	TA252098	19810110262	SV4032343	Phạm Đức	Mạnh	22/10/2001		
11	TA252099	20810170412	SV4032344	Tô Đức	Mạnh	23/09/2002		
12	TA252100	19810720282	SV4032345	Nguyễn Đình Trưởng	Minh	10/02/2001		
13	TA252101	22810430097	SV4032346	Trần Bình	Minh	02/02/2004		
14	TA252102	20810340178	SV4032347	Trần Quang	Minh	01/07/2002		
15	TA252103	20810820050	SV4032348	Đỗ Hà	My	20/03/2002		
16	TA252104	22810810161	SV4032349	Đinh Thị	Na	23/12/2004		
17	TA252105	18810420241	SV4032350	Đinh Hoài	Nam	26/11/2000		
18	TA252106	1781610065	SV4032351	Nguyễn Văn	Nam	30/01/1999		
19	TA252107	21810510022	SV4032352	Nguyễn Hải	Nam	10/04/2003		
20	TA252108	19810710152	SV4032353	Nguyễn Hoàng	Nam	14/05/2001		
21	TA252109	21810610008	SV4032354	Trần Hải	Nam	09/06/2003		
22	TA252110	20810430238	SV4032355	Nguyễn Tài	Năng	16/03/2002		
23	TA252111	20810820070	SV4032356	Đỗ Thanh	Nga	10/01/2002		
24	TA252112	21810810218	SV4032357	Nguyễn Hoàng	Nga	27/10/2003		
25	TA252113	18810710139	SV4032358	Phan Thiên	Nga	04/12/2000		
26	TA252114	21810680490	SV4032359	Nguyễn Đức	Nghị	26/10/2003		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A108

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 12h30-13h30

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252115	19810230003	SV4042360	Nguyễn Bảo	Ngọc	26/06/2001		
2	TA252116	21810710127	SV4042361	Trần Thị Minh	Nguyệt	09/06/2003		
3	TA252117	18810340052	SV4042362	Đoàn Trang	Nhung	25/01/2000		
4	TA252118	20810850079	SV4042363	Vũ Thành	Phát	03/02/2002		
5	TA252119	20810620110	SV4042364	Nguyễn Duy	Phong	10/08/2002		
6	TA252120	20819120036	SV4042365	Nguyễn Đức	Phong	07/07/2002		
7	TA252121	20819110120	SV4042366	Đinh Công	Phú	19/03/1998		
8	TA252122	21810310081	SV4042367	Nguyễn Thanh	Phúc	27/12/2003		
9	TA252123	19810610080	SV4042368	Nguyễn Bá	Phương	22/09/2001		
10	TA252124	21810540421	SV4042369	Nguyễn Văn	Phương	27/11/2003		
11	TA252125	20810620031	SV4042370	Nguyễn Minh	Quang	06/06/2002		
12	TA252126	18810620112	SV4042371	Nguyễn Vinh	Quang	26/05/2000		
13	TA252127	21810710222	SV4042372	Vũ Minh	Quang	08/04/2003		
14	TA252128	21810110021	SV4042373	Nguyễn Hữu	Quân	28/10/2003		
15	TA252129	20810000234	SV4042374	Nguyễn Minh	Quân	03/11/2002		
16	TA252130	20810000318	SV4042375	Nguyễn Văn	Quý	08/10/2001		
17	TA252131	20810620040	SV4042376	Bùi Văn	Quyết	20/06/2002		
18	TA252132	18810310462	SV4042377	Tran Van	Sang	19/07/2000		
19	TA252133	20810630074	SV4042378	Lê Văn	Tài	10/09/2002		
20	TA252134	21810620450	SV4042379	Trần Đức	Tâm	08/10/2003		
21	TA252135	1781410034	SV4042380	Nguyễn Minh	Tiến	26/07/1999		
22	TA252136	20810620047	SV4042381	Nguyễn Trọng	Tiến	17/06/2002		
23	TA252137	20810510082	SV4042382	Trần Quang	Tin	19/06/2002		
24	TA252138	20810620128	SV4042383	Lê Văn	Toán	10/04/2002		
25	TA252139	20810820119	SV4042384	Đỗ Vũ	Tú	09/08/2002		
26	TA252140	18810420324	SV4042385	Lê Phi	Tú	22/05/2000		
27	TA252141	18810310279	SV4042386	Phạm Tuấn	Tú	26/10/2000		
28	TA252142	21810170359	SV4042387	Lê Anh	Tuấn	21/09/2003		
29	TA252143	21810000024	SV4042388	Phạm Minh	Tuấn	19/06/2003		
30	TA252144	18810320504	SV4042389	Trần Anh	Tuấn	11/12/2000		
31	TA252145	20810160496	SV4042390	Trịnh Quốc	Tuấn	18/09/2002		
32	TA252146	21810620451	SV4042391	Nguyễn Thức	Tùng	25/02/2003		

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: AB101

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 12h30-13h30

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252147	20810510080	SV4052392	Trần Duy	Tùng	15/03/2002		
2	TA252148	21810510004	SV4052393	Phạm Thanh	Tuyền	22/05/2003		
3	TA252149	20810410004	SV4052394	Khổng Tiến	Thành	21/05/2002		
4	TA252150	18810000020	SV4052395	Tạ Đình	Thành	20/03/2000		
5	TA252151	20810620066	SV4052396	Nghiêm Đức	Thắng	27/11/2002		
6	TA252152	20810420111	SV4052397	Phạm Quang	Thắng	30/08/2002		
7	TA252153	20810310012	SV4052398	Nguyễn Đức	Thiện	13/11/2002		
8	TA252154	20810110244	SV4052399	Lê Duy	Thịnh	19/05/2002		
9	TA252155	20810170406	SV4052400	Nguyễn Quang	Thịnh	20/01/2002		
10	TA252156	18810620053	SV4052401	Phạm Văn	Thịnh	28/03/2000		
11	TA252157	18810310305	SV4052402	Trần Quang	Thọ	06/01/2000		
12	TA252158	18810310548	SV4052403	Phạm Đức	Thông	02/11/2000		
13	TA252159	20810230118	SV4052404	Đào Hoài	Thu	13/09/2002		
14	TA252160	21810620016	SV4052405	Trịnh Hà	Thu	06/12/2003		
15	TA252161	18810310100	SV4052406	Bế Thuỳ	Trang	07/04/2000		
16	TA252162	22810860037	SV4052407	Phùng Thị	Trang	22/01/2004		
17	TA252163	20810170337	SV4052408	Ngô Ngọc	Triều	23/03/2002		
18	TA252164	20810510094	SV4052409	Nguyễn Phi	Trọng	19/06/2002		
19	TA252165	19810810012	SV4052410	Nguyễn Đức	Trung	04/01/2000		
20	TA252166	19810310690	SV4052411	Nguyễn Ngọc	Trung	22/06/2001		
21	TA252167	20810620129	SV4052412	Nguyễn Đức	Văn	20/02/2002		
22	TA252168	20810630021	SV4052413	Nguyễn Thành	Văn	16/10/2002		
23	TA252169	20810620094	SV4052414	Đoàn Văn	Vân	22/01/2002		
24	TA252170	21810810068	SV4052415	Võ Hà	Vi	04/08/2003		
25	TA252171	18810310545	SV4052416	Trương Đức	Việt	28/09/2000		
26	TA252172	20810620041	SV4052417	Cao Tuấn	Vượng	26/04/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A102

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 13h45-14h45

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252173	21810710118	SV4062418	Hồ Thành	An	24/04/2003		
2	TA252174	21810810128	SV4062419	Nguyễn Thuý	An	28/05/2003		
3	TA252175	21810110531	SV4062420	Đào Đức	Anh	07/04/2003		
4	TA252176	21810110099	SV4062421	Hoàng Bảo	Anh	09/08/2003		
5	TA252177	20810000003	SV4062422	Lê Tâm	Anh	09/03/2002		
6	TA252178	20810310071	SV4062423	Nguyễn Duy	Anh	26/12/1998		
7	TA252179	20810620019	SV4062424	Nguyễn Hữu	Anh	13/11/2002		
8	TA252180	20810410037	SV4062425	Nguyễn Thạc Việt	Anh	04/07/2002		
9	TA252181	22810410272	SV4062426	Nguyễn Trí Đức	Anh	15/04/2004		
10	TA252182	22810440115	SV4062427	Thạch Tuấn	Anh	25/11/2004		
11	TA252183	20810230106	SV4062428	Trần Thế	Anh	29/06/2002		
12	TA252184	22810230131	SV4062429	Vũ Thị Kim	Anh	26/10/2004		
13	TA252185	21810810025	SV4062430	Lưu Ngọc	Ánh	30/09/2003		
14	TA252186	22810540211	SV4062431	Bùi Gia	Bảo	14/09/2004		
15	TA252187	20810160443	SV4062432	Đỗ Vũ Nhất	Bình	16/12/2002		
16	TA252188	22819120116	SV4062433	Phạm Nguyễn Thanh	Bình	14/03/2004		
17	TA252189	20810310409	SV4062434	Bùi Văn	Cao	29/01/2002		
18	TA252190	21810620396	SV4062435	Lương Mạnh	Cường	26/02/2003		
19	TA252191	20810710239	SV4062436	Trần Việt	Cường	23/10/2000		
20	TA252192	20810230037	SV4062437	Phạm Hoàng Đan	Chi	04/02/2002		
21	TA252193	20810310269	SV4062438	Nguyễn Hữu	Chiến	17/11/2002		
22	TA252194	21810110109	SV4062439	Lò Minh	Diệp	15/10/2003		
23	TA252195	20810230065	SV4062440	Phùng Thị Thuý	Dung	07/07/2002		
24	TA252196	20810110247	SV4062441	Lê Đình	Dũng	14/01/2002		
25	TA252197	21810230018	SV4062442	Nguyễn Việt	Dũng	28/06/2003		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A104

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 13h45-14h45

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252198	20810340171	SV4072443	Đoàn Đức	Duy	17/01/2002		
2	TA252199	21810710124	SV4072444	Nguyễn Khánh	Duy	15/05/2003		
3	TA252200	21810310165	SV4072445	Trương Quang	Duy	02/07/2003		
4	TA252201	21810610010	SV4072446	Đặng Đức	Dương	13/12/2003		
5	TA252202	21810710258	SV4072447	Trần Bá	Dương	08/01/2003		
6	TA252203	20810110133	SV4072448	Hoàng Minh	Đạt	29/11/2002		
7	TA252204	20810160502	SV4072449	Nguyễn Tiến	Đạt	07/11/2002		
8	TA252205	20810340154	SV4072450	Nguyễn Trọng	Đạt	25/05/2002		
9	TA252206	20810000253	SV4072451	Phan Tuấn	Đạt	10/09/2002		
10	TA252207	19810110109	SV4072452	Vì Tiến	Đạt	19/05/2001		
11	TA252208	20810620132	SV4072453	Lại Quý	Đôn	12/09/2002		
12	TA252209	19810430330	SV4072454	Hà Duy	Đức	07/02/2001		
13	TA252210	21810310015	SV4072455	Nguyễn Minh	Đức	18/07/2003		
14	TA252211	20810230131	SV4072456	Nguyễn Thế	Đức	04/06/2002		
15	TA252212	21810180526	SV4072457	Dương Ngô	Đước	18/12/2003		
16	TA252213	20810410059	SV4072458	Tô Thế	Được	20/09/2001		
17	TA252214	21810810023	SV4072459	Nguyễn Xuân Linh	Giang	03/12/2003		
18	TA252215	21810810283	SV4072460	Ngô Việt	Hà	26/04/2003		
19	TA252216	20810340233	SV4072461	Nghiêm Xuân	Hải	07/08/2001		
20	TA252217	20810000286	SV4072462	Phạm Văn Sơn	Hải	02/06/2002		
21	TA252218	19810310471	SV4072463	Nguyễn Thế	Hảo	28/11/2001		
22	TA252219	21810430535	SV4072464	An Nguyễn	Hiệp	24/02/2003		
23	TA252220	20819110084	SV4072465	Hoàng Trung	Hiếu	17/09/2002		
24	TA252221	20810430198	SV4072466	Nguyễn Minh	Hiếu	10/02/2002		
25	TA252222	20810310552	SV4072467	Trần Minh	Hiếu	30/03/2002		
26	TA252223	19810310373	SV4072468	Vũ Minh	Hiếu	07/04/2001		
27	TA252224	21810710103	SV4072469	Đoàn Việt	Hòa	04/01/2003		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A105

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 13h45-14h45

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252225	20810620117	SV4082470	Nguyễn Hữu	Hoàn	20/08/2002		
2	TA252226	22810430355	SV4082471	Lê	Hoàng	14/12/2004		
3	TA252227	19810540155	SV4082472	Nguyễn Nhật	Hoàng	18/07/2001		
4	TA252228	20810310047	SV4082473	Phùng Việt	Hoàng	15/03/2002		
5	TA252229	20810000373	SV4082474	Nguyễn Đức	Huân	06/09/2002		
6	TA252230	21810820173	SV4082475	Nguyễn Ngọc	Hùng	24/01/2003		
7	TA252231	20819110072	SV4082476	Chu Bá	Huy	15/06/2002		
8	TA252232	21810110026	SV4082477	Lưu Xuân	Huy	13/09/2002		
9	TA252233	21810430579	SV4082478	Nguyễn Văn	Huy	04/11/2003		
10	TA252234	20810430358	SV4082479	Phạm Quốc	Huy	13/01/2002		
11	TA252235	21810860372	SV4082480	Trần Quốc	Huy	30/09/2003		
12	TA252236	20810430244	SV4082481	Cao Nguyễn	Hưng	24/03/2002		
13	TA252237	22819120040	SV4082482	Nguyễn Thế	Hưng	27/02/2004		
14	TA252238	19810000093	SV4082483	Đặng Thị	Hường	23/08/2001		
15	TA252239	20810110184	SV4082484	Đỗ Trung	Kiên	19/02/2002		
16	TA252240	20810230120	SV4082485	Nguyễn Trung	Kiên	20/06/2002		
17	TA252241	21810710003	SV4082486	Trịnh Ngọc	Kiên	03/06/2003		
18	TA252242	20810340179	SV4082487	Bùi Văn	Khải	13/10/2002		
19	TA252243	21810810011	SV4082488	Lê Vĩnh	Khang	24/03/2003		
20	TA252244	21810850414	SV4082489	Ngô Duy	Khánh	20/12/2003		
21	TA252245	21810510087	SV4082490	Phạm Duy	Khánh	05/09/2003		
22	TA252246	19810510208	SV4082491	Vũ Minh	Khôi	27/09/1999		
23	TA252247	20810230082	SV4082492	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	13/12/2002		
24	TA252248	20810230136	SV4082493	Nguyễn Thị Hồng	Liên	04/07/2002		
25	TA252249	21810820330	SV4082494	Đỗ Hà	Linh	30/05/2003		
26	TA252250	22810640093	SV4082495	Lê Na Thuỳ	Linh	29/03/2004		
27	TA252251	20810310349	SV4082496	Ngô Thị Thuỳ	Linh	15/03/2002		
28	TA252252	21810830153	SV4082497	Nguyễn Phương	Linh	10/01/2003		
29	TA252253	19810830038	SV4082498	Phạm Thị Phương	Linh	19/06/2001		
30	TA252254	20810430347	SV4082499	Dương Văn	Long	12/08/2002		
31	TA252255	20819110088	SV4082500	Đinh Ngọc	Long	28/10/2002		
32	TA252256	21810610013	SV4082501	Nguyễn Thành	Long	13/09/2003		
33	TA252257	20810410074	SV4082502	Nguyễn Văn	Lợi	03/01/2002		
34	TA252258	21810810333	SV4082503	Đặng Thanh	Mai	21/06/2003		
35	TA252259	21810710051	SV4082504	Đỗ Đức	Mạnh	30/09/2003		
36	TA252260	20819110054	SV4082505	Trần Ngọc	Mạnh	21/02/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A107

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 13h45-14h45

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252261	19810170103	SV4092506	Doãn Luyện	Minh	09/06/2001		
2	TA252262	21810820132	SV4092507	Hoàng	Minh	19/09/2003		
3	TA252263	22810810019	SV4092508	Lê Văn	Minh	14/03/2004		
4	TA252264	20810410031	SV4092509	Nguyễn Văn	Minh	20/05/2002		
5	TA252265	20810310449	SV4092510	Vũ Đức	Minh	18/01/2002		
6	TA252266	21810820175	SV4092511	Nguyễn Thị	Mỹ	19/10/2003		
7	TA252267	21810820317	SV4092512	Cần Bùi Phương	Nam	19/05/2003		
8	TA252268	20810110159	SV4092513	Lê Phương	Nam	03/05/2002		
9	TA252269	21810710219	SV4092514	Nguyễn Thành	Nam	05/10/2003		
10	TA252270	20819110136	SV4092515	Trần Đình	Nam	19/01/2002		
11	TA252271	19810000298	SV4092516	Vũ Quang	Nam	12/05/2001		
12	TA252272	21810850378	SV4092517	Lâm Thị	Nương	26/02/2003		
13	TA252273	21819110036	SV4092518	Ninh Thị	Nga	19/08/2003		
14	TA252274	21810810111	SV4092519	Trần Phương	Nga	06/09/2003		
15	TA252275	21810820222	SV4092520	Nguyễn Hà	Ngân	17/10/2003		
16	TA252276	20810430133	SV4092521	Lê Minh	Nghĩa	21/11/2002		
17	TA252277	21810820309	SV4092522	Nguyễn Hồng	Ngọc	12/07/2003		
18	TA252278	21810310555	SV4092523	Phạm Đình	Nguyên	11/02/2003		
19	TA252279	20810340203	SV4092524	Trần Trọng	Nhất	27/11/2002		
20	TA252280	21810820190	SV4092525	Giang Thị Hồng	Nhung	09/05/2003		
21	TA252281	21810810156	SV4092526	Vũ Hồng	Nhung	07/02/2002		
22	TA252282	20810620054	SV4092527	Lê Hồng	Phi	19/10/2002		
23	TA252283	20810310505	SV4092528	Vũ Hải	Phong	28/07/2002		
24	TA252284	20810110272	SV4092529	Nguyễn Hồng	Phúc	13/10/2002		
25	TA252285	20810230090	SV4092530	Vũ Đình	Phúc	17/11/2002		
26	TA252286	20810420109	SV4092531	Đỗ Minh	Phương	22/08/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:..... Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A108

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 13h45-14h45

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252287	21810810059	SV4102532	Nguyễn Ngọc	Phương	04/05/2003		
2	TA252288	21810810342	SV4102533	Phạm Thị Minh	Phương	13/10/2003		
3	TA252289	21810110204	SV4102534	Nguyễn Văn	Quang	17/11/2003		
4	TA252290	21810860454	SV4102535	Phạm Minh	Quang	25/11/2003		
5	TA252291	20810410041	SV4102536	Đỗ Vương Anh	Quân	18/08/2002		
6	TA252292	19810340488	SV4102537	Nguyễn Đồng	Quân	15/06/2001		
7	TA252293	20810000387	SV4102538	Trần Thanh	Quý	26/08/2002		
8	TA252294	20810310384	SV4102539	Đỗ Kiên	Quyết	11/09/2002		
9	TA252295	21810840084	SV4102540	Vũ Diệu	Quỳnh	26/11/2003		
10	TA252296	19810310496	SV4102541	Trần Sỹ	Sáng	28/06/2001		
11	TA252297	19810230034	SV4102542	Nguyễn Vũ Trưởng	Son	25/01/2001		
12	TA252298	20810000254	SV4102543	Phạm Quang	Sự	01/06/2002		
13	TA252299	20810620029	SV4102544	Lê Văn	Tài	06/12/2002		
14	TA252300	22810430089	SV4102545	Nguyễn Công	Tân	27/02/2004		
15	TA252301	20810230045	SV4102546	Nguyễn Duy	Tiến	19/07/2002		
16	TA252302	22810440057	SV4102547	Nguyễn Minh	Tiến	11/02/2004		
17	TA252303	22810530223	SV4102548	Nguyễn Văn	Tĩnh	12/05/2004		
18	TA252304	20810430265	SV4102549	Hoàng Huy	Tối	18/03/2002		
19	TA252305	20810000450	SV4102550	Nguyễn Ngọc	Tú	21/08/2002		
20	TA252306	20810420094	SV4102551	Phạm Văn	Tú	15/04/2002		
21	TA252307	19810430252	SV4102552	Hoàng Văn	Tuấn	06/08/2001		
22	TA252308	22810310003	SV4102553	Nguyễn Anh	Tuấn	09/09/2004		
23	TA252309	20810310268	SV4102554	Phạm Minh	Tuấn	15/04/2002		
24	TA252310	20810620076	SV4102555	Trần Mạnh	Tuấn	18/08/2002		
25	TA252311	20810000182	SV4102556	Nguyễn Năng	Tùng	09/04/2002		
26	TA252312	20810340189	SV4102557	Phạm Đình	Tùng	12/11/2002		
27	TA252313	21810430446	SV4102558	Trần Mạnh	Tùng	31/08/2003		
28	TA252314	20810110174	SV4102559	Đoàn Quốc	Thái	20/10/2002		
29	TA252315	22810860086	SV4102560	Bùi Thị	Thảo	20/01/2004		
30	TA252316	19810310343	SV4102561	Khuong Tiên	Thảo	19/08/2001		
31	TA252317	21810820219	SV4102562	Nguyễn Phương	Thảo	24/11/2003		
32	TA252318	21810710301	SV4102563	Trịnh Phương	Thảo	29/05/2003		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: AB101

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 13h45-14h45

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252319	21810620006	SV4112564	Bùi Đức	Thắng	16/10/2003		
2	TA252320	22810230045	SV4112565	Lê Văn	Thắng	01/03/2004		
3	TA252321	21810680462	SV4112566	Nguyễn Minh	Thắng	12/09/2003		
4	TA252322	20810310066	SV4112567	Võ Văn	Thắng	19/11/2002		
5	TA252323	21810230023	SV4112568	Đặng Văn	Thiện	04/04/2003		
6	TA252324	22819120129	SV4112569	Cao Phúc	Thịnh	06/01/2004		
7	TA252325	20810630078	SV4112570	Nguyễn Tiến	Thịnh	07/05/2002		
8	TA252326	22810710094	SV4112571	Trần Bảo	Thoa	30/09/2004		
9	TA252327	20810000256	SV4112572	Nguyễn Hữu	Thức	06/03/2002		
10	TA252328	21810810142	SV4112573	Đỗ Huyền	Trang	01/11/2003		
11	TA252329	20819110059	SV4112574	Nguyễn Thị	Trang	13/09/2002		
12	TA252330	21810810076	SV4112575	Nguyễn Thu	Trang	22/10/2003		
13	TA252331	21810810195	SV4112576	Trần Thị Thu	Trang	19/12/2003		
14	TA252332	20810230149	SV4112577	Đoàn Quang	Trung	19/10/2002		
15	TA252333	21810810105	SV4112578	Nguyễn Duy	Trung	13/12/1998		
16	TA252334	19810430070	SV4112579	Nguyễn Văn	Trung	01/05/2001		
17	TA252335	21810310046	SV4112580	Ngô Quang	Trưởng	06/01/2003		
18	TA252336	20810620008	SV4112581	Trần Văn	Trưởng	21/11/2002		
19	TA252337	19810410284	SV4112582	Trần Văn	Ước	18/02/2001		
20	TA252338	20810230004	SV4112583	Đinh Khánh	Vân	14/09/2002		
21	TA252339	20810410075	SV4112584	Nguyễn Văn	Vinh	22/03/2002		
22	TA252340	22810410276	SV4112585	Mai Anh	Vũ	14/09/2004		
23	TA252341	19810420319	SV4112586	Nguyễn Danh	Vương	19/08/2024		
24	TA252342	20810230038	SV4112587	Hoàng Hải	Yến	19/11/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A102

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 15h-16h

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252343	21810840245	SV4122588	La Thị Khánh	An	27/12/2002		
2	TA252344	20810230150	SV4122589	Vũ Thị Thu	An	31/05/2002		
3	TA252345	19810430279	SV4122590	Đào Tuấn	Anh	04/04/2001		
4	TA252346	22819120084	SV4122591	Hoàng Vinh	Anh	14/01/2004		
5	TA252347	21810540509	SV4122592	Ngô Đức	Anh	17/09/2003		
6	TA252348	22810860080	SV4122593	Nguyễn Hải	Anh	11/01/2004		
7	TA252349	21810840195	SV4122594	Nguyễn Ngọc	Anh	02/02/2003		
8	TA252350	21810710261	SV4122595	Phạm Mai	Anh	06/12/2003		
9	TA252351	20810000212	SV4122596	Phí Nguyễn Quỳnh	Anh	16/12/2002		
10	TA252352	21810000374	SV4122597	Trần Duy	Anh	25/01/2003		
11	TA252353	21810810102	SV4122598	Vũ Hoài	Anh	22/09/2003		
12	TA252354	20810000242	SV4122599	Nguyễn Thị	Ánh	01/03/2002		
13	TA252355	22810430198	SV4122600	Nguyễn Gia	Bảo	24/12/2004		
14	TA252356	20810620104	SV4122601	Lê Văn	Biên	15/08/2002		
15	TA252357	21810850206	SV4122602	Nguyễn Thị Thanh	Bình	22/11/2003		
16	TA252358	19810000082	SV4122603	Nguyễn Thành	Công	27/04/2001		
17	TA252359	21810810336	SV4122604	Nguyễn Quang	Cường	27/06/2003		
18	TA252360	22810640092	SV4122605	Trần Quốc	Cường	09/05/2004		
19	TA252361	21810810145	SV4122606	Lê Yên	Chi	29/11/2003		
20	TA252362	20810420076	SV4122607	Nguyễn Đức	Chiến	25/03/2002		
21	TA252363	20810230052	SV4122608	Nguyễn Hải	Chiều	31/07/2002		
22	TA252364	21810820255	SV4122609	Lô Thị Thuỳ	Dung	14/02/2003		
23	TA252365	19810310023	SV4122610	Kiều Quang	Dũng	19/11/2001		
24	TA252366	20810410100	SV4122611	Nguyễn Tiến	Dũng	18/05/2002		
25	TA252367	21810310393	SV4122612	Nguyễn Tuấn	Dũng	21/01/2003		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A104

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 15h-16h

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252368	21810710119	SV4132613	Phùng Thế	Dũng	05/10/2003		
2	TA252369	20810310284	SV4132614	Nguyễn Kiến	Duy	07/08/2002		
3	TA252370	21810710138	SV4132615	Tạ Anh	Duy	09/06/2003		
4	TA252371	21819110046	SV4132616	Bùi Văn	Dương	07/08/2002		
5	TA252372	20810620120	SV4132617	Lê Văn	Dương	31/05/2002		
6	TA252373	22819120062	SV4132618	Nguyễn Tùng	Dương	08/09/2004		
7	TA252374	20810430153	SV4132619	Nguyễn Tiến	Đại	26/02/2002		
8	TA252375	20810000260	SV4132620	Ngô Trí	Đạo	23/11/2024		
9	TA252376	20810000252	SV4132621	Nguyễn Quốc	Đạt	22/06/2002		
10	TA252377	22810430283	SV4132622	Nguyễn Xuân	Đạt	14/08/2004		
11	TA252378	20810110204	SV4132623	Tào Xuân	Đạt	20/11/2002		
12	TA252379	22810170327	SV4132624	Phạm Hải	Đăng	12/10/2004		
13	TA252380	21810710058	SV4132625	Bùi An	Đông	13/12/2003		
14	TA252381	20819110100	SV4132626	Lê Văn	Đức	16/07/2002		
15	TA252382	21810710123	SV4132627	Lưu Quang	Đức	27/03/2003		
16	TA252383	21810310017	SV4132628	Nguyễn Ngọc	Đức	06/03/2003		
17	TA252384	21810310191	SV4132629	Trần Tuấn	Đức	19/04/2003		
18	TA252385	21810810015	SV4132630	Lê Hoàng	Giang	09/06/2003		
19	TA252386	22810410425	SV4132631	Cần Lương	Giáp	17/09/2004		
20	TA252387	20810310324	SV4132632	Đỗ Thị Thu	Hà	13/02/2002		
21	TA252388	19810000403	SV4132633	Kim Hoàng	Hà	06/07/2001		
22	TA252389	21810310078	SV4132634	Phùng Ngọc	Hà	18/05/2003		
23	TA252390	21810710234	SV4132635	Bùi Quốc	Hải	03/02/2003		
24	TA252391	19810320432	SV4132636	Phạm Thanh	Hải	23/11/2001		
25	TA252392	21810860396	SV4132637	Chu Thuý	Hằng	08/08/2003		
26	TA252393	20810000471	SV4132638	Phạm Thu	Hằng	09/04/2002		
27	TA252394	21810820304	SV4132639	Trần Thị Thu	Hiền	18/05/2003		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A105

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 15h-16h

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252395	20810310029	SV4142640	Đỗ Chung	Hiếu	07/09/2002		
2	TA252396	21810610012	SV4142641	Nguyễn Mạnh	Hiếu	16/06/2003		
3	TA252397	20810420057	SV4142642	Nguyễn Trung	Hiếu	02/11/2002		
4	TA252398	22810430111	SV4142643	Vũ Minh	Hiếu	19/05/2004		
5	TA252399	20810540021	SV4142644	Nguyễn Thị	Hoa	21/12/2002		
6	TA252400	21810820278	SV4142645	Đặng Thị Kim	Hoan	18/02/2003		
7	TA252401	21810710054	SV4142646	Hồ Tự Mạnh	Hoàng	15/08/2003		
8	TA252402	20810340216	SV4142647	Nguyễn Đỗ Việt	Hoàng	23/08/2002		
9	TA252403	20810160457	SV4142648	Nguyễn Thế Việt	Hoàng	11/03/2002		
10	TA252404	20810320101	SV4142649	Trương Việt	Hoàng	13/04/2002		
11	TA252405	21810230377	SV4142650	Nguyễn Thị Bích	Hồng	22/08/2003		
12	TA252406	21810510014	SV4142651	Bùi Thái	Hùng	11/04/2003		
13	TA252407	19810170149	SV4142652	Nguyễn Huy	Hùng	29/06/2001		
14	TA252408	21810680522	SV4142653	Hoàng Quốc	Huy	19/07/2003		
15	TA252409	21810430369	SV4142654	Lâm Quang	Huy	22/11/2003		
16	TA252410	22810410447	SV4142655	Nguyễn Đức	Huy	28/07/2004		
17	TA252411	20810310402	SV4142656	Nguyễn Văn	Huy	15/06/2002		
18	TA252412	19810310332	SV4142657	Trần Quang	Huy	15/07/2001		
19	TA252413	21810850217	SV4142658	Lê Thị Thanh	Huyền	16/04/2003		
20	TA252414	20810170311	SV4142659	Phùng Xuân	Huỳnh	03/02/2002		
21	TA252415	21810260042	SV4142660	Nguyễn Thành	Hưng	14/10/2003		
22	TA252416	22810430462	SV4142661	Tô Cảnh	Hưng	16/01/2004		
23	TA252417	20819110067	SV4142662	Dương Văn	Kiên	30/04/2002		
24	TA252418	20810110246	SV4142663	Nguyễn Trung	Kiên	30/08/2002		
25	TA252419	20810320131	SV4142664	Phan Trung	Kiên	14/05/2002		
26	TA252420	21810820271	SV4142665	Hoàng Thị	Kim	21/04/2003		
27	TA252421	21810680491	SV4142666	Đoàn Duy	Khánh	07/01/2003		
28	TA252422	21810430474	SV4142667	Nguyễn Quốc	Khánh	14/08/2003		
29	TA252423	21810810060	SV4142668	Trương Thị Kim	Khánh	02/09/2002		
30	TA252424	21810820163	SV4142669	Nguyễn Thị	Lan	30/04/2003		
31	TA252425	20819110109	SV4142670	Lê Đình	Lập	27/01/2002		
32	TA252426	21810850394	SV4142671	Đậu Thị Kiều	Linh	15/03/2003		
33	TA252427	21810230013	SV4142672	Hoàng Thị Thùy	Linh	06/05/2003		
34	TA252428	20810230033	SV4142673	Mẫn Thị Mai	Linh	18/08/2002		
35	TA252429	20810430346	SV4142674	Nguyễn Ngọc	Linh	13/09/2002		
36	TA252430	20810000367	SV4142675	Nguyễn Thùy	Linh	04/02/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A107

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 15h-16h

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252431	20810540040	SV4152676	Phùng Quang Duy	Linh	26/11/2002		
2	TA252432	21810820270	SV4152678	Trần Thị Thảo	Linh	21/10/2003		
3	TA252433	21810680501	SV4152680	Đào Trung	Long	10/02/2003		
4	TA252434	21810810038	SV4152682	Nguyễn Hoàng	Long	13/09/2003		
5	TA252435	20810510107	SV4152684	Trần Đức	Lộc	14/12/2002		
6	TA252436	21810810187	SV4152686	Trần Khánh	Ly	11/12/2003		
7	TA252437	21810110085	SV4152688	Nguyễn Đức	Mạnh	31/01/2003		
8	TA252438	20810430268	SV4152690	Vũ Tiến	Mạnh	10/01/2002		
9	TA252439	22810540135	SV4152692	Đỗ Tiến	Minh	09/09/2004		
10	TA252440	19810720273	SV4152694	Lê Tiến	Minh	10/11/2001		
11	TA252441	22819120069	SV4152696	Nguyễn Tiến	Minh	13/01/2004		
12	TA252442	21810810247	SV4152698	Trần Hà	My	24/09/2003		
13	TA252443	20819110134	SV4152700	Lê Hoàng	Nam	30/12/2002		
14	TA252444	21810430568	SV4152702	Nguyễn Văn	Nam	19/06/2003		
15	TA252445	20810430304	SV4152704	Vũ Khánh	Nam	15/10/2002		
16	TA252446	20810110153	SV4152706	Vì Hải	Ninh	27/03/2002		
17	TA252447	22810860071	SV4152708	Vũ Thị	Nga	28/04/2004		
18	TA252448	21810860239	SV4152710	Lê Thị Thuý	Ngân	07/10/2003		
19	TA252449	20810310379	SV4152712	Lê Minh	Nghĩa	04/08/2002		
20	TA252450	20810310330	SV4152714	Nguyễn Tuấn	Ngọc	27/10/2002		
21	TA252451	20810310274	SV4152716	Nguyễn Trung	Nguyên	07/12/2002		
22	TA252452	21810810054	SV4152718	Lê Thị Thanh	Nhàn	05/07/2003		
23	TA252453	21810850412	SV4152720	Trần Thị Uyên	Nhi	15/05/2003		
24	TA252454	21810850373	SV4152722	Phùng Thị Hồng	Nhung	26/03/2003		
25	TA252455	21810610069	SV4152724	Lê Thành	Phong	19/03/2003		
26	TA252456	22810710123	SV4152726	Nguyễn Tuấn	Phong	16/02/2004		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A108

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 15h-16h

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252457	21810410115	SV4162702	Nguyễn Hoàng	Phúc	27/07/2003		
2	TA252458	19810720143	SV4162703	Tô Minh	Phúc	11/07/2001		
3	TA252459	21810410534	SV4162704	Đặng Minh	Phương	18/12/2003		
4	TA252460	20810540058	SV4162705	Nguyễn Thị Mai	Phương	06/09/2002		
5	TA252461	21810710312	SV4162706	Phùng Thị Hà	Phương	07/07/2003		
6	TA252462	20810310285	SV4162707	Mai Đức	Quang	01/01/2002		
7	TA252463	20810710255	SV4162708	Trình Minh	Quang	22/12/2002		
8	TA252464	19810410333	SV4162709	Lê Xuân	Quân	25/01/2001		
9	TA252465	20810620005	SV4162710	Nguyễn Anh	Quân	27/11/2002		
10	TA252466	20810310404	SV4162711	Phạm Năng	Quyên	25/07/2002		
11	TA252467	20810160476	SV4162712	Phạm Minh	Quyết	11/06/2002		
12	TA252468	21810710213	SV4162713	Phạm Thị	Quỳnh	21/10/2003		
13	TA252469	19810420314	SV4162714	Đỗ Hồng	Sơn	16/06/2001		
14	TA252470	20810340147	SV4162715	Nguyễn Bá Hoàng	Sơn	02/07/2002		
15	TA252471	21810230026	SV4162716	Trần Hiếu	Sơn	25/02/2003		
16	TA252472	22810430356	SV4162717	Đặng Văn	Tâm	30/10/2004		
17	TA252473	21810710232	SV4162718	Phạm Thị	Tâm	01/01/2002		
18	TA252474	20810310018	SV4162719	Hoàng Đức	Tiến	18/11/2002		
19	TA252475	20810620002	SV4162720	Đỗ Đức	Tiệp	23/11/2002		
20	TA252476	21810410112	SV4162721	Nguyễn Mạnh	Toàn	17/10/2000		
21	TA252477	20810620126	SV4162722	Hứa Hồng	Tú	16/07/2002		
22	TA252478	20810430400	SV4162723	Nguyễn Anh	Tú	02/08/2002		
23	TA252479	20810620123	SV4162724	Phùng Quang	Tú	28/05/2002		
24	TA252480	21819150372	SV4162725	Đỗ Đức	Tuấn	09/06/2003		
25	TA252481	20810170123	SV4162726	Nguyễn Anh	Tuấn	20/11/2002		
26	TA252482	21810710259	SV4162727	Trần Anh	Tuấn	08/11/2003		
27	TA252483	22810410287	SV4162728	Vũ Mạnh	Tuấn	04/11/2004		
28	TA252484	20810230028	SV4162729	Nguyễn Hoàng	Tùng	08/07/2002		
29	TA252485	22810710126	SV4162730	Nguyễn Thanh	Tùng	06/12/2004		
30	TA252486	20810000282	SV4162731	Đoàn Thị	Tuyết	10/09/2002		
31	TA252487	21810810207	SV4162732	Phạm Ánh	Tuyết	19/09/2003		
32	TA252488	19810430064	SV4162733	Phạm Tiến	Thành	31/05/2001		

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: AB101

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 15h-16h

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252489	20810230078	SV4172734	Hoàng Thị Phương	Thảo	19/09/2002		
2	TA252490	21810840277	SV4172735	Ngô Phương	Thảo	13/11/2003		
3	TA252491	21810860366	SV4172736	Trần Thị Thanh	Thảo	14/09/2003		
4	TA252492	20810000328	SV4172737	Dương Đức	Thăng	12/03/2002		
5	TA252493	21810680487	SV4172738	Đinh Việt	Thăng	16/09/2003		
6	TA252494	21810310108	SV4172739	Nguyễn Khắc	Thăng	16/09/2003		
7	TA252495	22810410023	SV4172740	Trần Đại	Thăng	07/06/2004		
8	TA252496	20810430282	SV4172741	Nông Nhất	Thiên	18/07/2002		
9	TA252497	20810430151	SV4172742	Lê Phúc	Thịnh	16/07/2002		
10	TA252498	20810430315	SV4172743	Từ Cao	Thịnh	01/10/2002		
11	TA252499	19810310667	SV4172744	Trần Văn	Thịnh	22/12/2001		
12	TA252500	22810240134	SV4172745	Trương Minh	Thông	14/05/2004		
13	TA252501	21810710098	SV4172746	Hoang Thu	Thủy	15/11/2003		
14	TA252502	21810810318	SV4172747	Nguyễn Thị Lương	Trà	09/02/2003		
15	TA252503	21810230503	SV4172748	Nguyễn Huyền	Trang	25/05/2003		
16	TA252504	21810860226	SV4172749	Phạm Huyền	Trang	25/10/2003		
17	TA252505	21810810021	SV4172750	Trần Thu	Trang	29/09/2003		
18	TA252506	22810410286	SV4172751	Lê Đình	Trung	23/10/2004		
19	TA252507	22810430251	SV4172752	Đỗ Duy	Trường	17/01/2004		
20	TA252508	19810110168	SV4172753	Vũ Ngọc	Trường	10/07/2000		
21	TA252509	21810710193	SV4172754	Trần Thị Thảo	Vân	05/10/2003		
22	TA252510	19810410240	SV4172755	Trương Tấn	Vũ	27/12/2001		
23	TA252511	21810000415	SV4172756	Đoàn Hải	Yến	11/01/2003		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A102

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 16h15-17h15

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252512	22810180332	SV4182757	Nguyễn Hữu	An	05/10/2004		
2	TA252513	20810320138	SV4182758	Tổng Sỹ	An	30/06/2002		
3	TA252514	21810310381	SV4182759	Đỗ Đức Nhật	Anh	13/09/2003		
4	TA252515	21819110047	SV4182760	Hoàng Tuấn	Anh	21/11/2003		
5	TA252516	22810560159	SV4182761	Hoàng Thị Mai	Anh	15/10/2004		
6	TA252517	21810710363	SV4182762	Mai Ngọc	Anh	17/05/2003		
7	TA252518	22810810137	SV4182763	Nguyễn Hà	Anh	26/11/2004		
8	TA252519	21810610056	SV4182764	Nguyễn Lê Hà	Anh	11/01/2003		
9	TA252520	21810810154	SV4182765	Nguyễn Thị Lan	Anh	13/08/2003		
10	TA252521	20810000181	SV4182766	Phan Tuấn	Anh	01/05/2002		
11	TA252522	20810000417	SV4182767	Vũ Đức	Anh	15/10/2002		
12	TA252523	2272010253	SV4182768	Vũ Ngọc	Ánh	16/09/1996		
13	TA252524	21810860255	SV4182769	Nguyễn Minh	Bảo	29/03/2003		
14	TA252525	21810810221	SV4182770	Trần Thị Ngọc	Bích	25/11/2003		
15	TA252526	20810000412	SV4182771	Hoàng Hiếu	Bình	25/08/2002		
16	TA252527	20810320136	SV4182772	Phạm Thái	Bình	16/05/2002		
17	TA252528	22810110118	SV4182773	Trần Tiến	Cương	19/01/2004		
18	TA252529	21810110072	SV4182774	Nguyễn Tiến	Cường	26/12/2003		
19	TA252530	21810620519	SV4182775	Phùng Thế	Cường	19/12/2003		
20	TA252531	21810810143	SV4182776	Đỗ Yến	Chi	25/09/2003		
21	TA252532	21810810019	SV4182777	Nghiêm Mạnh	Chiến	14/06/2003		
22	TA252533	20810310419	SV4182778	Nguyễn Ngọc	Chiến	18/03/2002		
23	TA252534	21810680488	SV4182779	Chữ Việt	Dũng	02/06/2003		
24	TA252535	21810710063	SV4182780	Nguyễn Tấn	Dũng	30/12/2003		
25	TA252536	18810310230	SV4182781	Nguyễn Tiến	Dũng	22/07/2000		

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:..... Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A104

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 16h15-17h15

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252537	20810160549	SV4192782	Phan Tiến	Dũng	08/04/2002		
2	TA252538	21810310030	SV4192783	Lê Anh	Duy	04/08/2003		
3	TA252539	22810430002	SV4192784	Nguyễn Văn	Duy	14/03/2004		
4	TA252540	21810860246	SV4192785	Bùi Đức	Dương	30/12/2003		
5	TA252541	20810310069	SV4192786	Đinh Tùng	Dương	17/03/2002		
6	TA252542	22810430195	SV4192787	Nguyễn Tùng	Dương	22/12/2004		
7	TA252543	22810430334	SV4192788	Vũ Ngọc	Đại	02/02/2004		
8	TA252544	21810310363	SV4192789	Mai Tiến	Đạt	17/02/2003		
9	TA252545	20810310556	SV4192790	Nguyễn Tuấn	Đạt	24/10/2002		
10	TA252546	21819110052	SV4192791	Phạm Duy	Đạt	09/06/2003		
11	TA252547	21810610052	SV4192792	Tổng Thành	Đạt	23/09/2003		
12	TA252548	21810710458	SV4192793	Nguyễn Thành	Đô	28/10/2003		
13	TA252549	21810680478	SV4192794	Phạm Văn	Đồng	18/12/2003		
14	TA252550	21810680493	SV4192795	Lương Minh	Đức	23/08/2003		
15	TA252551	21810610002	SV4192796	Nguyễn Minh	Đức	27/09/2003		
16	TA252552	22810710083	SV4192797	Tổng Văn	Đức	10/01/2004		
17	TA252553	21810810210	SV4192798	Ngô Hương	Giang	05/08/2003		
18	TA252554	19810420335	SV4192799	Nguyễn Tiến	Giáp	30/11/2000		
19	TA252555	20810510088	SV4192800	Đinh Quang	Hà	20/01/2002		
20	TA252556	21810810242	SV4192801	Đỗ Thu	Hà	26/11/2003		
21	TA252557	22810710102	SV4192802	Nguyễn Thanh	Hà	10/10/2004		
22	TA252558	19810310325	SV4192803	Bùi Hoàng	Hải	09/03/2001		
23	TA252559	20810420103	SV4192804	Nguyễn Thanh	Hải	25/10/2002		
24	TA252560	21810810147	SV4192805	Đinh Mỹ	Hạnh	12/05/2003		
25	TA252561	21810810208	SV4192806	Nguyễn Thu	Hằng	02/09/2003		
26	TA252562	22810430256	SV4192807	Bùi Văn	Hiền	18/03/2004		
27	TA252563	20810430366	SV4192808	Nguyễn Minh	Hiệp	18/09/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A105

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 16h15-17h15

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252564	20810410010	SV4202809	Lê Minh	Hiếu	26/12/2002		
2	TA252565	21810710043	SV4202810	Nguyễn Trung	Hiếu	26/10/2003		
3	TA252566	20810160509	SV4202811	Trần Trung	Hiếu	11/03/2002		
4	TA252567	21810820202	SV4202812	Lưu Thị	Hoa	21/10/2003		
5	TA252568	21810810057	SV4202813	Trịnh Thị Thu	Hoài	03/09/2003		
6	TA252569	20810430231	SV4202814	Hoàng Huy	Hoàng	06/09/2002		
7	TA252570	20810310467	SV4202815	Nguyễn	Hoàng	06/06/2002		
8	TA252571	21810110200	SV4202816	Nguyễn Phúc	Hoàng	22/06/2003		
9	TA252572	22810410327	SV4202817	Trần Việt	Hoàng	06/07/2004		
10	TA252573	20810000322	SV4202818	Nguyễn Thị	Hồng	19/08/2002		
11	TA252574	20810310555	SV4202819	Nguyễn Thị Kim	Huệ	24/06/2002		
12	TA252575	20810310343	SV4202820	Giang Ứng	Hùng	18/02/2002		
13	TA252576	20810620001	SV4202821	Trần Phi	Hùng	27/07/2002		
14	TA252577	22819120136	SV4202822	Huỳnh Đức	Huy	11/12/2004		
15	TA252578	21810820171	SV4202823	Nguyễn Đức	Huy	05/12/2003		
16	TA252579	20810710248	SV4202824	Nguyễn Văn	Huy	09/11/2002		
17	TA252580	21810680495	SV4202825	Trần Hoàng	Huy	03/09/2003		
18	TA252581	20810000414	SV4202826	Hoàng Thị Thu	Huyền	27/03/2002		
19	TA252582	21810810249	SV4202827	Phan Thu	Huyền	23/05/2003		
20	TA252583	21810810035	SV4202828	Hoàng Quang	Hưng	05/02/2003		
21	TA252584	22819120038	SV4202829	Phạm Kim	Hưng	21/01/2004		
22	TA252585	20810110213	SV4202830	Nguyễn Thuý	Hường	21/08/2002		
23	TA252586	2272010268	SV4202831	Hoàng Văn	Kiên	05/09/1993		
24	TA252587	21819110048	SV4202832	Phạm Trung	Kiên	25/12/2003		
25	TA252588	21810410590	SV4202833	Lưu Tuấn	Kiệt	17/07/2003		
26	TA252589	21810820165	SV4202834	Ngô Quang	Khải	30/09/2003		
27	TA252590	21810430580	SV4202835	Bùi Duy	Khánh	07/06/2003		
28	TA252591	21810810335	SV4202836	Nguyễn Đăng	Khánh	26/08/2003		
29	TA252592	20810620095	SV4202837	Trần Quốc	Khánh	28/09/2002		
30	TA252593	21810710271	SV4202838	Nguyễn Ngọc	Lan	18/02/2003		
31	TA252594	20810170408	SV4202839	Phan Thanh	Lâm	15/06/2002		
32	TA252595	20810410116	SV4202840	Đặng Tuấn	Linh	25/12/2002		
33	TA252596	21810810133	SV4202841	Đỗ Nhật	Linh	19/07/2003		
34	TA252597	22810430004	SV4202842	Mai Quang	Linh	22/07/2004		
35	TA252598	21810810217	SV4202843	Nguyễn Khánh	Linh	28/11/2003		
36	TA252599	19810230051	SV4202844	Nguyễn Thị Khánh	Linh	17/11/2001		
37	TA252600	21810810080	SV4202845	Phan Phương	Linh	09/09/2003		

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A107

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 16h15-17h15

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252601	20810000016	SV4212846	Trần Thị Diệu	Linh	03/01/2002		
2	TA252602	20810420117	SV4212847	Đào Thành	Long	19/10/2002		
3	TA252603	21810820214	SV4212848	Nguyễn Hải	Long	04/11/2003		
4	TA252604	20810620044	SV4212849	Nguyễn Văn	Long	29/03/2002		
5	TA252605	21810810047	SV4212850	Ngô Thị Diệu	Ly	24/12/2003		
6	TA252606	22810000105	SV4212851	Hà Ngọc	Mai	06/07/2004		
7	TA252607	20810170324	SV4212852	Nguyễn Đức	Mạnh	30/08/2002		
8	TA252608	22810430155	SV4212853	Phạm Đức	Mạnh	05/11/2004		
9	TA252609	21810820169	SV4212854	Đặng Hồng	Minh	30/06/2003		
10	TA252610	19810110356	SV4212855	Lê Bình	Minh	20/10/2001		
11	TA252611	20810420022	SV4212856	Nguyễn Nhật	Minh	12/04/2002		
12	TA252612	20810160463	SV4212857	Trần Đăng	Minh	10/07/2002		
13	TA252613	21810820129	SV4212858	Nguyễn Thị Huyền	My	20/12/2003		
14	TA252614	21810230378	SV4212859	Nguyễn Thị Hồng	Mỹ	01/09/2003		
15	TA252615	20810540333	SV4212860	Đỗ Hoàng	Nam	30/03/2002		
16	TA252616	21810610035	SV4212861	Nguyễn Hoài	Nam	21/09/2003		
17	TA252617	20810620004	SV4212862	Nguyễn Văn	Nam	04/05/2002		
18	TA252618	22810440053	SV4212863	Trần Hải	Nam	26/05/2003		
19	TA252619	20810410040	SV4212864	Nguyễn Bắc Nam	Ninh	30/06/2002		
20	TA252620	21810810074	SV4212865	Đoàn Thị Thanh	Nga	18/04/2001		
21	TA252621	21810810173	SV4212866	Phạm Thị Phương	Nga	11/11/2003		
22	TA252622	20810000378	SV4212867	Đặng Thị Kim	Ngân	23/10/2001		
23	TA252623	22810310246	SV4212868	Bùi Hữu	Nghĩa	16/05/2004		
24	TA252624	20810310006	SV4212869	Nguyễn Trọng	Nghĩa	21/09/2002		
25	TA252625	20810420033	SV4212870	Bùi Đức	Nguyên	03/11/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A108

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 16h15-17h15

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252626	21810000373	SV4222871	Vũ Thị Minh	Nguyệt	06/08/2003		
2	TA252627	22810810141	SV4222872	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21/11/2004		
3	TA252628	22810810181	SV4222873	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	26/10/2004		
4	TA252629	19810110019	SV4222874	Nguyễn Đức	Phát	24/09/2001		
5	TA252630	22810180282	SV4222875	Nguyễn Hồng	Phong	20/06/2004		
6	TA252631	21810610057	SV4222876	Nguyễn Quý	Phú	17/03/2003		
7	TA252632	19810310126	SV4222877	Phan Minh	Phúc	03/08/2001		
8	TA252633	21810710102	SV4222878	Đặng Hoài	Phương	08/11/2003		
9	TA252634	21810850386	SV4222879	Hoàng Thị	Phương	18/12/2003		
10	TA252635	20819110063	SV4222880	Vũ Đình	Phương	21/02/2002		
11	TA252636	20810510074	SV4222881	Lại Minh	Quang	19/06/2002		
12	TA252637	22810430460	SV4222882	Dương Văn	Quân	07/10/2004		
13	TA252638	21810710241	SV4222883	Lương Hồng	Quân	09/10/1993		
14	TA252639	22810430118	SV4222884	Trương Minh	Quân	21/01/2004		
15	TA252640	21810810222	SV4222885	Đông Thị Thu	Quỳnh	24/08/2003		
16	TA252641	21810710039	SV4222886	Hoàng Như	Quỳnh	10/10/2003		
17	TA252642	20810620061	SV4222887	Lương Văn	Sang	01/01/2002		
18	TA252643	19810310197	SV4222888	Đỗ Ngọc	Sơn	02/02/2001		
19	TA252644	20810310017	SV4222889	Phan Hồng	Sơn	06/03/2002		
20	TA252645	21819120122	SV4222890	Vũ Hữu	Sỹ	08/11/2003		
21	TA252646	20810110165	SV4222891	Nguyễn Bình	Tâm	03/08/2002		
22	TA252647	20810340221	SV4222892	Vũ Bá	Tân	15/03/2002		
23	TA252648	21810170323	SV4222893	Bùi Văn	Tiện	13/09/2003		
24	TA252649	21819110039	SV4222894	Nguyễn Ngọc	Toàn	04/12/2003		
25	TA252650	19810000515	SV4222895	Phạm Văn	Toàn	15/03/2001		
26	TA252651	21810680506	SV4222896	Lê Anh	Tú	27/12/2003		
27	TA252652	21810230443	SV4222897	Trần Anh	Tú	16/05/2003		
28	TA252653	20810320579	SV4222898	Thào A Pó	Tủa	05/12/2002		
29	TA252654	21810310056	SV4222899	Lê Văn	Tuấn	11/06/2003		
30	TA252655	21810620082	SV4222900	Nguyễn Hoàng	Tuấn	10/09/2003		
31	TA252656	21810680492	SV4222901	Bùi Xuân	Tùng	04/10/2002		
32	TA252657	21810820150	SV4222902	Nguyễn Quang	Tùng	05/09/2003		

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: AB101

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 16h15-17h15

Ngày thi: 9/2/2025

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA252658	21810810096	SV4232903	Nguyễn Ánh	Tuyết	26/09/2003		
2	TA252659	20810000049	SV4232904	Bùi Xuân	Thái	22/03/2002		
3	TA252660	20810420122	SV4232905	Nguyễn Bá Trung	Thành	17/11/2002		
4	TA252661	21810710167	SV4232906	Đinh Phương	Thảo	03/10/2003		
5	TA252662	21810710088	SV4232907	Lê Phương	Thảo	16/03/2003		
6	TA252663	21810860241	SV4232908	Nguyễn Thị	Thảo	03/11/2003		
7	TA252664	21810810103	SV4232909	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	02/10/2003		
8	TA252665	19810310010	SV4232910	Doãn Đức	Thắng	09/01/2001		
9	TA252666	20810620078	SV4232911	Nguyễn Đức	Thắng	01/01/2002		
10	TA252667	19810310255	SV4232912	Phan Đức	Thắng	22/10/2001		
11	TA252668	20810610007	SV4232913	Phạm Quang	Thế	21/03/2002		
12	TA252669	22819120120	SV4232914	Nguyễn Hữu	Thiện	02/05/2004		
13	TA252670	19810320033	SV4232915	Nguyễn Đức	Thịnh	13/04/2001		
14	TA252671	21810860231	SV4232916	Lê Thị Thúy	Thương	16/05/2003		
15	TA252672	21810810199	SV4232917	Lưu Quỳnh	Trang	16/10/2003		
16	TA252673	22810810211	SV4232918	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/09/2004		
17	TA252674	21810310595	SV4232919	Đào Văn	Triệu	03/12/2003		
18	TA252675	22810430320	SV4232920	Lê Quang	Trung	30/06/2004		
19	TA252676	21810610005	SV4232921	Nguyễn Đình	Trung	01/03/2003		
20	TA252677	20810340237	SV4232922	Nguyễn Thanh	Trường	13/12/2002		
21	TA252678	21810810070	SV4232923	Phạm Thu	Uyên	22/03/2003		
22	TA252679	21810810098	SV4232924	Đỗ Hải	Vân	07/07/2003		
23	TA252680	20810430343	SV4232925	Hoàng Anh	Vũ	12/04/2002		
24	TA252681	21810230454	SV4232926	Trần Đăng Minh	Vương	10/07/2003		
25	TA252682	20810230104	SV4232927	Cần Thị Hải	Yến	30/09/2002		
26	TA252683	20810000386	SV4232928	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	24/09/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)